

THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ 1 NĂM 2024

(Kèm theo Thông báo số 08/TB-TCKH ngày 02/4/2024 của phòng Tài chính - Kế hoạch)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung	DỰ TOÁN TỈNH GIAO NĂM 2024	DỰ TOÁN THÀNH PHỐ NĂM 2024	THỰC HIỆN QUÝ 1 NĂM 2024	So sánh thực hiện với (%)		
					DT Tỉnh	DT TP	Cùng kỳ
A	B	1	2	3	4=3/1	5=3/2	6=3/CK
A	TỔNG THU NSTP (I+II)	20.458.769	20.545.769	3.811.236	18,6	18,5	78,9
I	Thu nội địa*	19.117.600	19.204.600	3.730.406	19,5	19,4	80,3
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước	4.914.840	4.914.840	1.126.668	22,9	22,9	45,3
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	915.850	915.850	312.644	34,1	34,1	159,1
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	2.799.190	2.799.190	957.082	34,2	34,2	157,9
4	Thuế thu nhập cá nhân	682.910	682.910	284.487	41,7	41,7	72,4
5	Thuế bảo vệ môi trường	1.033.460	1.033.460	242.504	23,5	23,5	124,7
6	Lệ phí trước bạ	317.000	317.000	85.979	27,1	27,1	100,7
7	Thu phí, lệ phí	1.278.280	1.365.280	363.765	28,5	26,6	130,6
	<i>Trong đó: Phí tham quan vịnh Hạ Long</i>	<i>500.000</i>	<i>500.000</i>	<i>169.859</i>	<i>34,0</i>	<i>34,0</i>	<i>157,7</i>
8	Các khoản thu về nhà, đất	6.398.000	6.398.000	185.614	2,9	2,9	72,0
-	<i>Thu hoa lợi công sản</i>	<i>2.000</i>	<i>2.000</i>	<i>46</i>	<i>2,3</i>	<i>2,3</i>	<i>80,5</i>
-	<i>Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp</i>	<i>61.000</i>	<i>61.000</i>	<i>6.447</i>	<i>10,6</i>	<i>10,6</i>	<i>113,1</i>
-	<i>Thu tiền sử dụng đất</i>	<i>4.687.000</i>	<i>4.687.000</i>	<i>136.923</i>	<i>2,9</i>	<i>2,9</i>	<i>63,2</i>
-	<i>Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước</i>	<i>1.648.000</i>	<i>1.648.000</i>	<i>42.165</i>	<i>2,6</i>	<i>2,6</i>	<i>119,2</i>
-	<i>Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>33</i>	<i>0,0</i>	<i>0,0</i>	<i>0,0</i>
9	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	48.000	48.000	16.116	33,6	33,6	117,5
10	Thu khác ngân sách	574.425	574.425	106.155	18,5	18,5	93,1
11	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	141.645	141.645	39.878	28,2	28,2	246,7
12	Thu cổ tức	14.000	14.000	9.515	68,0	68,0	0,0
13	Thu cấp quyền khai thác vùng biển			0	0,0	0,0	0,0
II	Thu viện trợ				0,0	0,0	0,0
III	Thu quản lý qua ngân sách	0	0	0	0,0	0,0	0,0
IV	Thu chuyển nguồn	0	0	54.285	0,0	0,0	3.474,8
V	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	1.199.499	1.199.499	26.335	2,2	2,2	14,6
VI	Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên	0	0	209	0,0	0,0	49,2
VII	Thu kết dư ngân sách	0	0	0	0,0	0,0	0,0

STT	Nội dung	DỰ TOÁN TÍNH GIAO NĂM 2024	DỰ TOÁN THÀNH PHỐ NĂM 2024	THỰC HIỆN QUÝ 1 NĂM 2024	So sánh thực hiện với (%)		
					DT Tỉnh	DT TP	Cùng kỳ
A	B	1	2	3	4=3/1	5=3/2	6=3/CK
VIII	Thu cân đối từ nguồn CCTL	141.670	141.670				
B	THU NGÂN SÁCH HUYỆN ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	5.003.091	5.090.091	632.662	12,6	12,4	93,3
1	Từ các khoản phân chia	2.484.942	2.484.942	297.550	12,0	12,0	97,4
2	Các khoản thu NS huyện được hưởng 100%	1.176.980	1.263.980	254.484	21,6	20,1	134,6
3	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	1.199.499	1.199.499	26.335	2,2	2,2	14,6
4	Thu chuyển nguồn	0	0	54.285	0,0	0,0	3.474,8
5	Thu quản lý qua ngân sách	0	0	0	0,0	0,0	0,0
6	Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên	0	0	7	0,0	0,0	0,0
7	Thu kết dư ngân sách	0	0	0	0,0	0,0	0,0
8	Thu cân đối từ nguồn CCTL	141.670	141.670	0	0,0	0,0	

* Thu nội địa không bao gồm ghi thu - ghi chi vào ngân sách